TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 22-7-2024
V/v: Tranh chấp chia
tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Thị Bích Loan

2. Bà Đoàn Thị Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2024/TLPT-HNGĐ ngày 17/5/2024 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2024/HNGĐ-ST ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3603/2024/QĐ-PT ngày 02/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Vương L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường D, tổ B, Khu phố A, phường N Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Đồng Thị Thanh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường H, phường B Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: bị đơn bà Đồng Thị Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Phạm Vương L trình bày:

Ông L và bà Đồng Thị Thanh H kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 7 quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 04/7/2018 và

đã ly hôn theo bản án 908/2022/HNGĐ-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa giải quyết về tài sản chung.

Thời gian chung sống ông L bà H tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thửa đất 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A, phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L yêu cầu chia cho ông và bà H mỗi người ½ giá trị căn nhà tương đương 262.800.000đ , theo kết quả định giá tại chứng thư định giá số 231051-23/CT-TĐG ngày 30/11/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá N. Đối với tài sản chung là 02 xe gắn máy ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quyền sử dụng đất của căn nhà trên là tài sản riêng của ông L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN087731, số vào sổ cấp GCN: H00464/13 do Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đàm Ngọc B ngày 07/12/2009, cập nhật chuyển nhượng sang tên ông Phạm Vương L ngày 18/5/2018. Do đó ông L xin nhận nhà để sử dụng và hoàn tiền cho bà H.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đề nghị tòa giải quyết theo qui định pháp luật.Căn nhà giữ nguyên trạng từ khi xây dựng đến nay, ông bà không có tu bổ sửa chữa, xây dựng gì thêm và không có yêu cầu gì về công sức đóng góp, tạo lập duy trì phát triển tài sản chung này.

Theo bị đơn bà Đồng Thị Thanh H trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của ông L về việc kết hôn, ly hôn cũng như vấn đề tài sản chung. Bà không đồng ý kết quả định giá nhà ngày 30/11/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá N là 525.600.000đ vì theo bà giá quá thấp so với thực tế nhưng bà không yêu cầu định giá lại, yêu cầu tòa giải quyết theo qui định pháp luật.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đề nghị tòa giải quyết theo qui định pháp luật. Đối với tài sản chung là 02 xe gắn máy ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Căn nhà giữ nguyên trạng từ khi xây dựng đến nay không có tu bổ sửa chữa, xây dựng gì thêm và không có yêu cầu gì về công sức đóng góp, tạo lập duy trì phát triển tài sản chung này.

Đối với yêu cầu của ông L về việc nhận nhà hoàn tiền bà không đồng ý vì bà hiện đang ở tại đây.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm số 159/2024/HNGĐ-ST ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Xác định giá trị xây dựng căn nhà cấp 4 (không bao gồm quyền sử dụng đất) kết cấu 1 trệt 1 lầu đúc giả, tường gạch, sàn bê tông, mái tôn tọa lạc tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A phường 7 quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông L bà H.Mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản là 262.800.000đ.

Giao cho ông L có quyền sở hữu căn nhà cấp 4 nói trên và ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà H ½ giá trị xây dựng nhà là 262.800.000đ và số tiền tự

nguyện hỗ trợ thêm là 50.000.000đ, tổng cộng 312.800.000đ, thanh toán làm 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H có quyền lưu cư tại căn nhà này cho đến khi ông L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà H. Ngay sau khi ông L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán xong, bà H có nghĩa vụ bàn giao lại căn nhà này cho ông L.

Ông L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sở hữu đối với căn nhà cấp 4, tọa lạc tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A, phường 7, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định của pháp luật về xây dựng.

Về chi phí tố tụng: ông L đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ và chi phí định giá 8.000.000đ, tổng cộng 12.000.000đ; bà H đã tạm ứng chi phí định giá 4.000.000đ. Tổng cộng chi phí tố tụng 16.000.000đ, bà H, ông L mỗi người chịu ½ chi phí là 8.000.000đ, cần trừ số tiền 4.000.000đ đã tạm ứng, bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông L số tiền 4.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật. Ngày 19/3/2024, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng yêu cầu mức chia tài sản phù hợp hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Đồng Thị Thanh H đồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày:

Bà thừa nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A, phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông L.Năm 2018 bà và ông L cùng nhau xây dựng căn nhà trên đất thuộc sở hữu của ông L để ở, tổng chi phí xây dựng nhà thực tế khoảng 900.000.000đ, căn nhà này là tài sản chung của bà và ông L. Tuy nhiên bà H không còn lưu giữ các giấy tờ, tài liệu chứng minh đã xây dựng nhà hết 900.000.000đ nên không thể cung cấp cho Tòa án.Từ đó đến nay căn nhà vẫn giữ nguyên trạng, không xây sửa, tu bổ gì thêm.Theo bà Công ty TNHH Thẩm định giá N định giá căn nhà trên 525.600.000đ theo chứng thư định giá ngày 30/11/2023 là thấp hơn giá thị trường hiện nay nhưng bà không yêu cầu định giá lại.

Bà H không có chứng cứ chứng minh bà có công sức đóng góp xây dựng nhà trên nhiều hơn ông L, nhưng bà H đang ở trong nhà và còn có nghĩa vụ nuôi dưỡng 01 người con riêng của bà năm nay 19 tuổi đang học đại học năm thứ 3 nên bà cần có chỗ ở. Với số tiền được chia 312.800.000đ như quyết định của án sơ thẩm bà H không mua được nhà khác, vì vậy bà H không đồng ý mức chia ½ như án sơ thẩm, bà kháng cáo yêu cầu ông L phải chia cho bà 500.000.000đ thì bà mới đồng ý trả nhà cho ông L.

Nguyên đơn ông Phạm Vương L trình bày:

Thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123, có diện tích 88,0m2 tọa lạc tại địa chỉ: kế bên nhà số 40 đường 3359A phường 7 quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN087731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00464/13 do Ủy ban nhân dân

Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đàm Ngọc B ngày 07/12/2009, cập nhật chuyển nhượng sang tên ông Phạm Vương L ngày 18/5/2018.

Sau khi kết hôn với bà H vào ngày 04/7/2018, ông L bà H đã cùng nhau xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất của ông L để ở. Do không có điều kiện và ông L có biết về xây dựng nên khi xây dựng nhà ông L chỉ sử dụng nguyên vật liệu, trang thiết bị loại bình dân, tận dụng và mua được nguyên vật liệu với giá tương đối thấp hơn thị trường, toàn bộ chi phí xây dựng căn nhà hết khoảng 450.000.000đ. Căn nhà trên lúc đầu định giá là 391.000.000đ, bà H không chịu nên sau đóTòa đã định giá lại lần hai theo yêu cầu của bà H vào ngày 30/11/2023 là 525.600.000đ. Ông L đồng ý kết quả địnhgiá lần 2 của Tòa án Quận 8, đồng ý chia cho bà H ½ giá trị tài sản chung là 262.800.000đ và tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà H 50.000.000đ nữa, tổng cộng 312.800.000đ để thu xếp chỗ ở khác, yêu cầu bà H giao nhà lại cho ông L vì quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông L và ông L cũng cần nhà để ở, thời gian qua ông L thất nghiệp và còn phải lo cho mẹ già không có khả năng hỗ trợ thêm cho bà H.

Về chi phí tố tụng án sơ thẩm đã giải quyết theo qui định, bà H ông L không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H: Bà H ông L thừa nhận đất thuộc sở hữu riêng của ông L, nhà là tài sản chung hai vợ chồng cùng xây dựng để ở vào năm 2018, từ đó đến nay không xây sửa gì thêm. Ngày 30/11/2023 công ty TNHH Thẩm định giá N định giá căn nhà trên là 525.600.000đ, ông L đồng ý kết quả định giá, bà H không đồng ý nhưng không yêu cầu định giá lại. Bà H khai thực tế xây nhà hết 900.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh chi phí thực tế xây dựng như bà H khai, cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà có công sức đóng góp nhiều hơn vào việc xây nhà nên yêu cầu kháng cáo của bà H đòi ông L phải trả cho bà 500.000.000đ bà mới đồng ý trả nhà cho ông L là không có căn cứ để chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đồng Thị Thanh H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà H ông L thống nhất xác định: căn nhà cấp 4 (không bao gồm quyền sử dụng đất) kết

cấu 1 trệt 1 lầu đúc giả, tường gạch, sàn bê tông, mái tôn tọa lạc tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A phường 7 quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông L bà H. Ông L bà H đã cùng nhau xây dựng căn nhà trên vào năm 2018, từ đó đến nay căn nhà giữ nguyên trạng, không xây sửa gì thêm. Đối với quyền sử dụng đất của căn nhà trên là tài sản riêng của ông L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN087731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00464/13 do Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đàm Ngọc B ngày 07/12/2009, cập nhật chuyển nhượng sang tên ông Phạm Vương L ngày 18/5/2018.

Về giá trị tài sản tranh chấp, ông L đồng ý kết quả định giá ngày 30/11/2023 của TNHH Thẩm định giá N là 525.600.000đ, bà H cho rằng giá thấp hơn thực tế nhưng không yêu cầu định giá lại, ông L bà H cũng không đưa ra được giá trị tài sản thống nhất giữa 2 bên làm cơ sở giải quyết vụ án nên tòa sơ thẩm căn cứ kết quả định giá ngày 30/11/2023 trên để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Theo qui định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau: hoàn cảnh gia đình của vợ, chồng; công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập tài sản chung; lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất kinh doanh nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập.

Tại bản án 159/2024/HNGĐ-ST ngày 18/3/2024 đã chia đôi tài sản chung là giá trị căn nhà trên cho ông L bà H mỗi người ½, ông L tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà H 50.000.000đ để sắp xếp chỗ ở mới và bà H được lưu cư đến khi ông L thanh toán xong thì có nghĩa vụ bàn giao nhà lại cho ông L.

Tại tòa phúc thẩm, bà H xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh thực tế năm 2018 ông L bà H xây dựng căn nhà trên hết 900.000.000đ; Trải qua quá trình sử dụng nhà từ 2018 đến nay đã 6 năm, ông L bà H thừa nhận sau khi xây nhà năm 2018 đến nay không xây sửa gì thêm vì vậy chất lượng và giá trị công trình xây dựng trên đất thời điểm hiện nay không thể còn nguyên vẹn 100% như lúc mới xây dựng.Đồng thời, bà H cũng xác định không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà có công sức đóng góp nhiều hơn vào tài sản chung, yêu cầu của bà H đòi chia 500.000.000đ giá trị tài sản chung không được ông L đồng ý nên không có cơ sở xác định mức chia tài sản chung cho mỗi bên ½ như án sơ thẩm quyết định là không phù hợp; Tại tòa sơ thẩm ông L tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà H 50.000.000đ là có lợi cho bà H nên tòa sơ thẩm ghi nhận là có cơ sở. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Huyền, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 147, 148, 306, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 33, khoản 1 Điều 43, 59, Điều 63 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đồng Thị Thanh H về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đồng Thị Thanh H. Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 159/2024/HNGĐ-ST ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Vương L.

- Xác định căn nhà cấp 4 (không bao gồm quyền sử dụng đất) kết cấu 1 trệt 1 lầu đúc giả, tường gạch, sàn bê tông, mái tôn tọa lạc tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A phường 7 quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H.

Giá trị tài sản chung theo kết quả định giá ngày 30/11/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá N là 525.600.000đ.Ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H mỗi người được chia và nhận ½ giá trị tài sản là 262.800.000đ.Ghi nhận sự tự nguyện của ông L hỗ trợ thêm cho bà H số tiền 50.000.000đ.

Giao cho ông L có quyền sở hữu căn nhà cấp 4 nói trên, ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà H ½ giá trị tài sản chung là 262.800.000đ và số tiền tự nguyện hỗ trợ thêm là 50.000.000đ, tổng cộng 312.800.000đ, thanh toán làm 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H có quyền lưu cư tại căn nhà này cho đến khi ông L thực hiện xong việc thanh toán cho bà H. Ngay sau khi ông L thanh toán xong, bà H có nghĩa vụ bàn giao lại căn nhà này cho ông L.

Ông L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sở hữu đối với căn nhà cấp 4, kết cấu 1 trệt 1 lầu đúc giả, tường gạch, sàn bê tông, mái tôn tọa lạc tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123, kế bên nhà số 40 đường 3359A phường 7 quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng khác: bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông L số tiền 4.000.000đ.

3. Về án phí và thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung ông Phạm Vương L phải chịu là 13.140.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.125.000đ ông L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0017652 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L còn phải nộp thêm số tiền 7.015.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung bà Đồng Thị Thanh H phải chịu là 13.140.000đ.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ bà Đồng Thị Thanh H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ bà H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000836 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM
- Chi cục THADS Q.8, TP.HCM;
- TAND Q.8TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương